

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty Honda Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: Phường Phúc Thắng – Thành phố Phúc Yên- Tỉnh Vĩnh Phúc
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô hai bánh
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: -
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): JA386 WAVE RSX FI
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 10132/VAQ06 - 01/23 - 00
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 6461/NETC-M/23/C ngày: 25-08-2023

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 97 kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 247 kg
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: HONDA JA53E. Loại động cơ: Xăng 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 109,2 cm³
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 6,46/7500 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Chế hòa khí/ phun nhiên liệu/ khác: ...⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/Tự động⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 4
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,615/1,555/1,136/0,916
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 2,642
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 70/90 – 17M/C 38P áp suất lốp: 200 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 80/90 – 17M/C 50P áp suất lốp: 225 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 91 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

- 3.1. Chu trình thử: TCVN 9726:2013
- 3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,56 l/100 km



4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

Kích thước: 50 x 70 mm



5. Ghi chú (nếu có):

.....

.....

.....



..... ngày 18 tháng 07 năm 2024
Cơ sở sản xuất nhập khẩu *HĐ*
(Ký tên, đóng dấu)

ĐÀO VIỆT CƯỜNG
TRƯỞNG KHỐI
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm